TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1188 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 12 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 919/2024/TB-TLVA ngày 18 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 919/ 2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 397/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M , sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn Lý Hưng, xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, Bình Định

2. Bị đơn: Chị Lê Kiều Mỹ L , sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn Lý Hưng, xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Lê Kiều Mỹ L chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2008 tại UBND xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh

phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L không lo làm ăn, nợ nần,vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ 2021 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Anh Kh , sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đăng Kh , sinh ngày 22/10/2012. Hiện cháu Kh và cháu Kh đang ở với vợ chồng sức khoẻ bình thường. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu Kh và cháu Kh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nếu chị L có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lê Kiều Mỹ L : Tòa đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng chị L không chấp hành triệu tập của Tòa, không có lời khai.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Lê Kiều Mỹ L ; Giao hai cháu Nguyễn Anh Khoa, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Lê Kiều Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Tranh chấp phát sinh giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lê Kiều Mỹ L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chị Lê Kiều Mỹ L cư trú tại: Thôn Lý Hưng, xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.Quy Nhơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mười có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lê Kiều Mỹ L đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M , chị L theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Kiều Mỹ L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 23/6/2008. Quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị Linh là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ. Vợ chồng anh chị không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay, không hòa giải đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án nhiều lần mời chị L đến Tòa làm việc nhưng chị L không có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với anh M . Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lê Kiều Mỹ L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh M được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung Nguyễn Anh Kh , sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 22/10/2012. Hiện cháu Kh và cháu Kh lời khai của cháu Nguyễn Anh Kh và cháu Nguyễn Đăng Kh nhưng cháu Khoa và cháu Khôi không hợp tác, từ chối khai. Anh Mười đồng ý giao cháu Khoa và cháu Khôi cho chị Linh trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Xét thấy, chị L có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để bảo đảm sự phát triển bình thường cho cháu Kh và cháu Kh . Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh M về việc giao cháu Khoa và cháu Khôi cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu về nội dung giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và các điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 và các điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Lê Kiều Mỹ L .

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Anh Khoa, sinh ngày 23/6/2010 và cháu Nguyễn Đăng Kh , sinh ngày 22/10/2012 cho chị Lê Kiều Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000594 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Quy Nhơn, Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp.Quy Nhơn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ QUY NHƠN

TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn,Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Nguyễn Hoàng Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:85/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Phượng, sinh năm: 1969
Cư trú tại: thôn Hải Nam,xã Nhơn Hải,TP.Quy Nhơn, Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thanh, sinh năm: 1968
Cư trú tại: thôn Hải Nam,xã Nhơn Hải,, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a,khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

(Biểu quyết 3/3- 100%)

+ Về nội dung :

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Phượng được ly hôn anh Nguyễn Văn Thanh. (Biểu quyết 3/3- 100%)

2- Về con chung: 03 con chung Nguyễn Văn Tiền, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Dô,sinh năm 1990; Nguyễn Văn Thống, sinh năm 1992. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

3- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

4- Án phí HNGĐ-ST: Chị Phạm Thị Phượng phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003557 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn, Bình Định. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hợp **Nguyễn Hoàng Long** **Cao Thị Phương Thảo**